

Số: 113/2022/QĐST-DS

Chương Mỹ, ngày 11 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1,2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 63/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: Số 191 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Hồ Hùng A** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Chức danh: Giám đốc Xử lý nợ (Theo Quyết định ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017).

Bà Phạm Thị N ủy quyền cho Ông Phạm Viết T, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Hồng P – Chuyên viên xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 308-03/2022/UQ-TCB ngày 09/5/2022)

* **Bị đơn:** 1. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1985

2. Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1979 (chồng bà T)

Đều cư trú tại: thôn B, xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Kim P, sinh năm 1958

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1958 (vợ ông P)
3. Ông Nguyễn Kim D, Sinh năm 1987 (con ông P + bà H)
4. Chị Bùi Thị Minh K, sinh năm 1992 (vợ anh D)
5. Cháu Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2012 (con anh D + chị K).
6. Cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh C, sinh năm 2018 (con anh D + chị K).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Ngọc D, cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh C: Anh Nguyễn Kim D và chị Bùi Thị Minh K (bố mẹ đẻ).

7. Bà Trịnh Thị T, Sinh năm 1985

8. Ông Nguyễn Quang Đ, Sinh năm 1979 (chồng bà T)

Ông Nguyễn Kim P, bà Vũ Thị H, anh Nguyễn Kim D, chị Bùi Thị Minh K đều ủy quyền cho ông Nguyễn Quang Đ.

Đều cư trú tại: thôn B, xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:

1.1. Theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 42594/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 20/4/2011, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 42594 ngày 20/4/2011. Bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/7/2022 là: **2.331.067.470** đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng*). Trong đó nợ gốc là: 764.400.000 đồng, lãi trong hạn là: 823.126.727 đồng, lãi quá hạn là: 743.540.743 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2022, bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 42594/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 20/4/2011, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 42594 ngày 20/4/2011 cho đến khi bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

1.2. Bà Trịnh Thị T còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP A khoản nợ thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ quốc tế ngày 25/10/2011 số tiền tạm tính đến hết ngày 22/7/2022 là: **64.851.964** đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 12.935.458 đồng; nợ lãi là: 51.916.506 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2022, bà Trịnh Thị T tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ quốc tế ngày 25/10/2011 cho đến khi bà Trịnh Thị T thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

2. Về thời hạn trả nợ và giải chấp tài sản thế chấp:

2.1. Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2022 bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 1.400.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm triệu đồng*) để giải chấp tài sản thế chấp và tất toán khoản nợ.

2.2. Trường hợp bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ nộp đủ số tiền 1.400.000.000 đồng theo đúng thời hạn nêu trên thì:

+ Ngân hàng TMCP A sẽ giải chấp tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: thôn B, xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 900474, số vào sổ cấp GCN: 0447 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2011*) mang tên Hộ ông Nguyễn Kim P và bà Vũ Thị H.

+ Ngân hàng TMCP A sẽ miễn toàn bộ nợ lãi, phí, các chi phí khác (nếu có) còn lại của khoản nợ.

Trường hợp bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ trả không đủ số tiền như cam kết hoặc trả không đúng thời gian cam kết thì việc thỏa thuận giải chấp tài sản và miễn giảm không còn hiệu lực.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ không thực hiện theo thỏa thuận nêu trên. Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: thôn B, xã C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 900474, số vào sổ cấp GCN: 0447 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2011*) mang tên Hộ ông Nguyễn Kim P và bà Vũ Thị H. Tài sản đảm bảo được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản đảm bảo.

Theo đó: Ông Nguyễn Kim P, bà Vũ Thị H, anh Nguyễn Kim D, chị Bùi Thị Minh K cùng 02 con là Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc Quỳnh C (*do anh Nguyễn Kim D và chị Bùi Thị Minh K là người đại diện theo pháp luật*) và bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ cùng những người đang sinh sống trên thửa đất (*nếu có phát sinh thêm*) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ đối với Ngân hàng TMCP A. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A, bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

3. Về án phí:

+ Bà Trịnh Thị T, ông Nguyễn Quang Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là **39.959.194** đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, chín trăm*

năm mươi chín nghìn, một trăm chín mươi bốn đồng).

+ Ngân hàng TMCP A được hoàn trả số tiền **20.500.000** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng*) dự phí đã nộp (*theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075875 ngày 05 tháng 5 năm 2022*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng L